

Số: 426/QĐ-UBND

Vĩnh Lại, ngày 17 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở
tại điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá; điểm dân cư mới thôn Đồng Vạn;
điểm dân cư mới cạnh trường THCS Tân Hương và chùa Đan Bối,
xã Vĩnh Lại, Thành phố Hải Phòng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH LẠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ hướng dẫn Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp về Khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lại về việc phê duyệt giá khởi điểm đấu giá QSDĐ ở tại các điểm quy hoạch dân cư: điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá; điểm dân cư mới thôn Đồng



Vạn; điểm dân cư mới cạnh trường THCS Tân Hương và Chùa thôn Đan Bối, xã Vĩnh Lại, Thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 69/TTr-TNMT ngày 17 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở tại điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá; điểm dân cư mới thôn Đồng Vạn; điểm dân cư mới cạnh trường THCS Tân Hương và Chùa thôn Đan Bối, xã Vĩnh Lại, Thành phố Hải Phòng như sau:

Tổng số lô đất đấu giá: 69 lô, tổng diện tích: 6.496,3 m².

Tổng số lô đất đấu giá thành: 69 lô, tổng diện tích: 6.496,3 m². Cụ thể:

- Điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá (56 lô): Diện tích 5.043,6 m²;

- Điểm dân cư mới thôn Đồng Vạn (07 lô): Diện tích 700,0 m²;

- Điểm dân cư cạnh trường THCS Tân Hương và chùa Đan Bối (06 lô):

Diện tích 752,7 m²;

Trong đó:

- Mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn (ONT);

- Tổng số tiền sử dụng đất theo giá khởi điểm: 114.679.540.000 đồng;

- Tổng số tiền đấu giá thành: 149.542.105.800 đồng;

- Số tiền chênh lệch tăng thêm so với giá khởi điểm: 34.862.565.800 đồng;

- Tổng số tiền đặt cọc trước: 22.935.908.000 đồng;

- Tổng số tiền còn lại phải nộp: 126.606.197.800 đồng;

- Chi tiết vị trí, diện tích, kích thước các lô đất đấu giá theo quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá, xã Ứng Hòa được UBND huyện Ninh Giang phê duyệt tại Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2018;

- Chi tiết vị trí, diện tích, kích thước các lô đất đấu giá theo quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư mới thôn Đồng Vạn, xã Ứng Hòa được UBND huyện Ninh Giang phê duyệt tại Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2018;

- Chi tiết vị trí, diện tích, kích thước các lô đất đấu giá theo quy hoạch chi tiết xây dựng Điểm dân cư mới cạnh trường THCS Tân Hương và Chùa thôn Đan Bối xã Ninh Thành được UBND huyện Ninh Giang phê duyệt tại Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2018;

(Có danh sách người trúng đấu giá kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã đăng tải công khai Quyết định này kèm danh sách người trúng đấu giá quyền sử dụng đất lên Cổng thông tin điện tử xã Vĩnh Lại (<https://vinhlai.haiphong.gov.vn/>);

2. Giao Thuế cơ sở 12 thành phố Hải Phòng, Phòng giao dịch số 11- Kho bạc nhà nước Khu vực III và các tổ chức, cá nhân có liên quan hướng dẫn, đôn đốc người trúng đấu giá quyền sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Giao phòng Kinh tế xã hướng dẫn người trúng đấu giá quyền sử dụng đất lập hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực

hiện trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất cho người trúng đấu giá sau khi đã nộp đủ tiền sử dụng đất và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định.

4. Giao Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Giang thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Trưởng Phòng kinh tế xã, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực 12 thành phố Hải Phòng; Giám đốc Phòng giao dịch số 11- Kho bạc nhà nước Khu vực III; các tổ chức, cá nhân liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Handwritten mark]*

Nơi nhận:

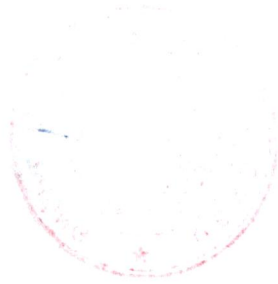
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hương





DANH SÁCH

Trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở tại điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá; điểm dân cư mới thôn Đông Vạn; điểm dân cư mới cạnh trường THCS Tân Hương và Chùa thôn Đan Bối, xã Vĩnh Lại, Thành phố Hải Phòng

(Theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của UBND xã Vĩnh Lại)

ĐVT: đồng

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số Căn Cước	Ký hiệu lô đất	DT đất (m ²)	Giá khởi điểm (đồng/m ²)	Tiền đặt trước đã thu (đồng)	Giá tiền đất mua (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/lô đất)	Giá khởi điểm (đồng/lô đất)	Chênh lệch (Đồng)	Số tiền khách hàng còn lại phải nộp (Đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=9x6	11=7x6	12=11-10	13=10-8
	Điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá (56 lô)											
1	Lê Thị Luyện	Thôn La Xá, xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng	030186002315	LK1 -20	85,5	30.000.000	513.000.000	38.900.000	3.325.950.000	2.565.000.000	760.950.000	2.812.950.000
2	Đặng Văn Luyện	Số 110 phố Bình Lộc, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030079020924	LK1 -21	85,5	30.000.000	513.000.000	41.399.000	3.539.614.500	2.565.000.000	974.614.500	3.026.614.500
3	Lê Kha Sáng	Xóm 1, Lương Giám, Trần Phú, TP Hải Phòng	030085014542	LK1 -23	85,5	30.000.000	513.000.000	41.200.000	3.522.600.000	2.565.000.000	957.600.000	3.009.600.000
4	Nguyễn Nhật Linh	An Xá, Trần Phú, TP Hải Phòng	030090011635	LK1 -24	85,5	30.000.000	513.000.000	37.689.000	3.222.409.500	2.565.000.000	657.409.500	2.709.409.500
5	Đặng Văn Luyện	Số 110 phố Bình Lộc, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030079020924	LK1 -25	85,5	30.000.000	513.000.000	40.799.000	3.488.314.500	2.565.000.000	923.314.500	2.975.314.500
6	Đặng Văn Luyện	Số 110 phố Bình Lộc, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030079020924	LK1 -26	85,5	30.000.000	513.000.000	40.399.000	3.454.114.500	2.565.000.000	889.114.500	2.941.114.500
7	Đỗ Văn Chiến	Đỗ Xá, Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	030090000594	LK2 -01	120,6	19.000.000	458.280.000	28.600.000	3.449.160.000	2.291.400.000	1.157.760.000	2.990.880.000
8	Nguyễn Văn Tuấn	Đỗ Xá, Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	030085022151	LK2 -03	90	19.000.000	342.000.000	23.600.000	2.124.000.000	1.710.000.000	414.000.000	1.782.000.000
9	Đặng Thanh Hải	KĐC số 1, xã Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Phòng	030076006658	LK2 -04	90	19.000.000	342.000.000	22.800.000	2.052.000.000	1.710.000.000	342.000.000	1.710.000.000
10	Đỗ Thanh Trung	Khu Hòa Bình, Phường Nguyễn, Phú Thọ	025082011093	LK2 -05	90	19.000.000	342.000.000	23.969.000	2.157.210.000	1.710.000.000	447.210.000	1.815.210.000
11	Nguyễn Hòa Trung	Thương Bì 2, Yên Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK2 -06	90	19.000.000	342.000.000	24.391.000	2.195.190.000	1.710.000.000	485.190.000	1.853.190.000



12	Phạm Văn Mạnh	Phù, Đường An, TP Hải Phòng	030083006113	LK2 -07	90	19.000.000	342.000.000	22.567.000	2.031.030.000	1.710.000.000	321.030.000	1.689.030.000
13	Nguyễn Văn Nguyễn	Triển Liệt, Tân An, TP Hải Phòng	030088014470	LK2 -10	90	19.000.000	342.000.000	24.500.000	2.205.000.000	1.710.000.000	495.000.000	1.863.000.000
14	Đỗ Thị Hải	Xóm 3, thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	030164014319	LK2 -11	90	19.000.000	342.000.000	21.500.000	1.935.000.000	1.710.000.000	225.000.000	1.593.000.000
15	Nguyễn Minh Hải	Khu Phố La Phù, Thanh Thủy, Phú Thọ	025088001202	LK2 -12	90	19.000.000	342.000.000	24.123.000	2.171.070.000	1.710.000.000	461.070.000	1.829.070.000
16	Nguyễn Việt Tiến	Đào Lâm, Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Phòng	030203005142	LK2 -13	90	19.000.000	342.000.000	22.900.000	2.061.000.000	1.710.000.000	351.000.000	1.719.000.000
17	Nguyễn Tuấn Huy	Khu 6, xã Yên Kỳ, Phú Thọ	025082017863	LK2 -14	90	19.000.000	342.000.000	24.341.000	2.190.690.000	1.710.000.000	480.690.000	1.848.690.000
18	Nguyễn Tuấn Huy	Khu 6, xã Yên Kỳ, Phú Thọ	025082017863	LK2 -15	90	19.000.000	342.000.000	24.539.000	2.208.510.000	1.710.000.000	498.510.000	1.866.510.000
19	Nguyễn Văn Duy	Thôn Cúc Bò, xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng	030069012937	LK2 -16	90	19.000.000	342.000.000	24.600.000	2.214.000.000	1.710.000.000	504.000.000	1.872.000.000
20	Nguyễn Minh Hải	Khu Phố La Phù, Thanh Thủy, Phú Thọ	025088001202	LK2 -17	90	19.000.000	342.000.000	24.123.000	2.171.070.000	1.710.000.000	461.070.000	1.829.070.000
21	Nguyễn Văn Nguyễn	Triển Liệt, Tân An, TP Hải Phòng	030088014470	LK2 -18	90	19.000.000	342.000.000	23.700.000	2.133.000.000	1.710.000.000	423.000.000	1.791.000.000
22	Vũ Đại Dương	Bùi Xá, Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Phòng	030085004148	LK2 -19	90	19.000.000	342.000.000	22.900.000	2.061.000.000	1.710.000.000	351.000.000	1.719.000.000
23	Đỗ Văn Định	Đỗ Xá, Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	030077025833	LK2 -21	90	19.000.000	342.000.000	26.200.000	2.358.000.000	1.710.000.000	648.000.000	2.016.000.000
24	Bùi Văn Minh	Nhân Lý, Chi Minh, TP Hải Phòng	030082024224	LK2 -22	90	19.000.000	342.000.000	23.300.000	2.097.000.000	1.710.000.000	387.000.000	1.755.000.000
25	Trần Thị Hương	165 La Xuyên, xã Nam Sách, TP Hải Phòng	030187003129	LK2 -23	90	19.000.000	342.000.000	22.699.000	2.042.910.000	1.710.000.000	332.910.000	1.700.910.000
26	Đoàn Duy Hải	37 Đặng Tất, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030075006814	LK2 -24	90	19.000.000	342.000.000	23.700.000	2.133.000.000	1.710.000.000	423.000.000	1.791.000.000
27	Nguyễn Thị Lan Hương	TDP Dục Quang, Phường Việt Yên, Bắc Ninh	024180015913	LK2 -25	90	19.000.000	342.000.000	23.299.000	2.096.910.000	1.710.000.000	386.910.000	1.754.910.000
28	Nguyễn Thị Lan Hương	TDP Dục Quang, Phường Việt Yên, Bắc Ninh	024180015913	LK2 -26	90	19.000.000	342.000.000	23.899.000	2.150.910.000	1.710.000.000	440.910.000	1.808.910.000
29	Nguyễn Hữu Trung	Thương Bì 2, Yên Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK2 -27	90	19.000.000	342.000.000	24.391.000	2.195.190.000	1.710.000.000	485.190.000	1.853.190.000
30	Đoàn Duy Hải	37 Đặng Tất, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030075006814	LK2 -29	90	19.000.000	342.000.000	23.900.000	2.151.000.000	1.710.000.000	441.000.000	1.809.000.000

31	Đoàn Duy Hải	37 Đặng Tắt, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030075006814	LK2 -30	90	19.000.000	342.000.000	23.900.000	2.151.000.000	1.710.000.000	441.000.000	1.809.000.000
32	Vũ Đức Hiệu	Phù Khê, Đường An, TP. Hải Phòng	030092019125	LK2 -32	90	19.000.000	342.000.000	20.899.000	1.880.910.000	1.710.000.000	170.910.000	1.538.910.000
33	Lê Gia Thu	78 Nguyễn Chế Nghĩa, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030079008126	LK2 -33	90	19.000.000	342.000.000	21.000.000	1.890.000.000	1.710.000.000	180.000.000	1.548.000.000
34	Vũ Thị Lưu	Thôn Lai Hà, Gia Phúc, TP. Hải Phòng	030164001231	LK3 -3	90	19.000.000	342.000.000	24.100.000	2.169.000.000	1.710.000.000	459.000.000	1.827.000.000
35	Lương Thị Hoài Thu	Thôn Tông Xá, Trần Phú, TP Hải Phòng	030303007415	LK3 -6	90	19.000.000	342.000.000	23.100.000	2.079.000.000	1.710.000.000	369.000.000	1.737.000.000
36	Lưu Như Đăng	Bình Cách, Thương Hùng, TP Hải Phòng	030082004523	LK3 -8	90	19.000.000	342.000.000	23.460.000	2.111.400.000	1.710.000.000	401.400.000	1.769.400.000
37	Phạm Hữu Thanh	Thôn Phú, Đường An, TP Hải Phòng	030080002531	LK3 -9	90	19.000.000	342.000.000	23.189.000	2.087.010.000	1.710.000.000	377.010.000	1.745.010.000
38	Đinh Thị Hương	Thôn Tranh Xuyên, xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng	030187008035	LK3 -12	90	19.000.000	342.000.000	24.200.000	2.178.000.000	1.710.000.000	468.000.000	1.836.000.000
39	Đinh Thị Hương	Thôn Tranh Xuyên, xã Ninh Giang, TP. Hải Phòng	030187008035	LK3 -14	90	19.000.000	342.000.000	23.900.000	2.151.000.000	1.710.000.000	441.000.000	1.809.000.000
40	Trần Thị Hương	165 La Xuyên, xã Nam Sách, TP. Hải Phòng	030187003129	LK3 -17	90	19.000.000	342.000.000	23.899.000	2.150.910.000	1.710.000.000	440.910.000	1.808.910.000
41	Trần Thị Hương	165 La Xuyên, xã Nam Sách, TP. Hải Phòng	030187003129	LK3 -18	90	19.000.000	342.000.000	23.866.000	2.147.940.000	1.710.000.000	437.940.000	1.805.940.000
42	Nguyễn Thị Anh	An Xá, Trần Phú, TP Hải Phòng	030190010586	LK3 -19	90	19.000.000	342.000.000	23.289.000	2.096.010.000	1.710.000.000	386.010.000	1.754.010.000
43	Đoàn Duy Hải	37 Đặng Tắt, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030075006814	LK3 -20	90	19.000.000	342.000.000	22.800.000	2.052.000.000	1.710.000.000	342.000.000	1.710.000.000
44	Nguyễn Tuấn Huy	Khu 6, xã Yên Kỳ, Phú Thọ	025082017863	LK3 -21	90	19.000.000	342.000.000	23.542.000	2.118.780.000	1.710.000.000	408.780.000	1.776.780.000
45	Phạm Hữu Thanh	Thôn Phú, Đường An, TP Hải Phòng	030080002531	LK3 -22	90	19.000.000	342.000.000	23.889.000	2.150.010.000	1.710.000.000	440.010.000	1.808.010.000
46	Phạm Hữu Thanh	Thôn Phú, Đường An, TP Hải Phòng	030080002531	LK3 -23	90	19.000.000	342.000.000	23.889.000	2.150.010.000	1.710.000.000	440.010.000	1.808.010.000
47	Nguyễn Hữu Trung	Thương Bị 2, Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK3 -25	90	19.000.000	342.000.000	24.391.000	2.195.190.000	1.710.000.000	485.190.000	1.853.190.000
48	Nguyễn Hữu Trung	Thương Bị 2, Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK3 -26	90	19.000.000	342.000.000	24.391.000	2.195.190.000	1.710.000.000	485.190.000	1.853.190.000

49	Nguyễn Hữu Trung	Thương Bi 2, Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK3 -27	90	19.000.000	342.000.000	24.391.000	2.195.190.000	1.710.000.000	485.190.000	1.853.190.000
50	Lê Khả Sáng	Xóm 1, Lương Gián, Trần Phú, Hải Phòng	030085014542	LK3 -28	90	19.000.000	342.000.000	26.100.000	2.349.000.000	1.710.000.000	639.000.000	2.007.000.000
51	Nguyễn Hữu Trung	Thương Bi 2, Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK3 -29	90	19.000.000	342.000.000	24.091.000	2.168.190.000	1.710.000.000	458.190.000	1.826.190.000
52	Nguyễn Hữu Trung	Thương Bi 2, Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK3 -30	90	19.000.000	342.000.000	24.391.000	2.195.190.000	1.710.000.000	485.190.000	1.853.190.000
53	Nguyễn Hữu Trung	Thương Bi 2, Yết Kiêu, TP Hải Phòng	030200001504	LK3 -31	90	19.000.000	342.000.000	24.391.000	2.195.190.000	1.710.000.000	485.190.000	1.853.190.000
54	Đoàn Duy Hải	37 Đảng Tắt, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030075006814	LK3 -32	90	19.000.000	342.000.000	24.600.000	2.214.000.000	1.710.000.000	504.000.000	1.872.000.000
55	Đình Văn Phương	Bùi Thượng, xã Yết Kiêu, Hải Phòng	030087005196	LK3 -33	90	19.000.000	342.000.000	25.300.000	2.277.000.000	1.710.000.000	567.000.000	1.935.000.000
56	Đình Văn Phương	Bùi Thượng, xã Yết Kiêu, Hải Phòng	030087005196	LK3 -34	90	19.000.000	342.000.000	25.300.000	2.277.000.000	1.710.000.000	567.000.000	1.935.000.000
	Điểm dân cư mới thôn Đông Vạn (xã Ứng Hòa cũ) (07 lô)											
57	Đặng Văn Luyện	Số 110 phố Bình Lộc, phường Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030079020924	L18	100	8.000.000	160.000.000	11.389.000	1.138.900.000	800.000.000	338.900.000	978.900.000
58	Đoàn Duy Hải	37 Đảng Tắt, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030075006814	L19	100	8.000.000	160.000.000	11.200.000	1.120.000.000	800.000.000	320.000.000	960.000.000
59	Đoàn Duy Hải	37 Đảng Tắt, P. Lê Thanh Nghị, TP. Hải Phòng	030075006814	L20	100	8.000.000	160.000.000	11.200.000	1.120.000.000	800.000.000	320.000.000	960.000.000
60	Nguyễn Văn Sáng	Đông Vạn, Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	030075001852	L22	100	8.000.000	160.000.000	11.100.000	1.110.000.000	800.000.000	310.000.000	950.000.000
61	Lê Gia Trung	Phường Diêm, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030074002495	L23	100	8.000.000	160.000.000	11.268.000	1.126.800.000	800.000.000	326.800.000	966.800.000
62	Lê Gia Trung	Phường Diêm, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030074002495	L32	100	8.000.000	160.000.000	11.680.000	1.168.000.000	800.000.000	368.000.000	1.008.000.000
63	Lê Gia Trung	Phường Diêm, Gia Lộc, TP Hải Phòng	030074002495	L33	100	8.000.000	160.000.000	11.580.000	1.158.000.000	800.000.000	358.000.000	998.000.000
	Điểm dân cư mới cạnh trường THCS và chùa Đan Bối (xã Ninh Thành cũ) (06 lô)											
64	Nguyễn Văn Thuận	Thôn 7, Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	030064006415	L-1	129,4	15.000.000	388.200.000	16.800.000	2.173.920.000	1.941.000.000	232.920.000	1.785.720.000
65	Nguyễn Thị Thu Trang	Số 76 Hồ Tùng Mậu, Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	030182001422	L-2	97,8	15.000.000	293.400.000	20.600.000	2.014.680.000	1.467.000.000	547.680.000	1.721.280.000

66	Lê Thị Luyến	Thôn La Xá, xã Tân Kỳ, TP. Hải Phòng	030186002315	L-8	125,5	10.000.000	251.000.000	22.700.000	2.848.850.000	1.255.000.000	1.593.850.000	2.597.850.000
67	Nguyễn Thị Thu Trang	Số 76 Hồ Tùng Mậu, Lê Thanh Nghị, TP Hải Phòng	030182001422	L-16	119,5	10.000.000	239.000.000	20.820.000	2.487.990.000	1.195.000.000	1.292.990.000	2.248.990.000
68	Nguyễn Văn Việt	Thôn 6 Vĩnh Lại, TP Hải Phòng	030080002364	L-17	128,1	7.000.000	179.340.000	12.888.000	1.650.952.800	896.700.000	754.252.800	1.471.612.800
69	Nguyễn Hà Thu	An Xá, Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	L-33	152,4	5.600.000	170.688.000	9.600.000	1.463.040.000	853.440.000	609.600.000	1.292.352.000
	Tổng cộng				6496,3		22.935.908.000		149.542.105.800	114.679.540.000	34.862.565.800	126.606.197.800



